TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/6/2018
"V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Bích Liên; bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số 26/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về " Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung''. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/5/2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 12/7/1993.

Trú tại: Xóm N, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Duy L, sinh ngày 17/12/1986.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã N, huyện S, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại: Nhật Bản (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu chứng cứ do Chị Nguyễn Thị Kim T (Nguyên đơn) cung cấp, thì: Chị và anh Nguyễn Duy L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 08/10/2015 tại UBND xã N, huyện S, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận tại gia đình anh L ở thôn T, xã N, huyện S, tỉnh Hải Dương ; anh chị sống hòa thuận được 4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về tính

cách nên không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên có mâu thuẫn. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng không thể cải thiện được quan hệ. Tháng 8/2016 chị T đã đưa con chung về nhà mẹ đẻ ở ; vợ chồng sống ly thân từ đó và không còn quan tâm đến nhau. Tháng 4/2017 anh L đi lao động tại Nhật Bản, qua điện thoại anh chị đã trao đổi và thống nhất ly hôn. Do anh L lao động và cư trú trái phép nên không xin được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền mà chỉ gửi quan điểm, ý kiến đồng ý ly hôn chị về cho người thân, để thông qua chị giao nộp cho Tòa án. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung : Vợ chồng có một con chung là Nguyễn B, sinh ngày 01/7/2016. Hiện cháu còn nhỏ, khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Bị đơn, anh Nguyễn Duy L, hiện đang lao động bất hợp pháp tại Nhật Bản, không có địa chỉ cụ thể nhưng có văn bản trình bày, thể hiện quan điểm ly hôn đối với chị T như sau : Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn ,thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Tháng 4/2017 anh làm thủ tục đi lao động tại Nhật Bản, do lao động không hợp pháp nên không xin được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại Nhật Bản. Bằng các văn bản gửi về Việt Nam anh thể hiện quan điểm đồng ý ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung : Vợ chồng có 1 con chung là Nguyễn B, sinh ngày 01/7/2016 như chị T khai và anh đồng ý để chị T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện anh không về Việt Nam để giải quyết ly hôn, nên anh ủy quyền cho ông Nguyễn Duy B (là cha) thay anh nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Ông B thông báo cho anh L biết để thực hiện.

Tại biên bản ghi lời khai, ông Nguyễn Duy B có quan điểm thể hiện: Anh L đang lao động bất hợp pháp tại Nhật Bản nên không có địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Tòa án. Toàn bộ tài liệu thể hiện quan điểm ly hôn chị T anh L gửi người quen về cho gia đình, ông đã chuyển lại để chị T gửi đến Tòa án. Ông đồng ý nhận ủy quyền của anh L, sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã thông báo cho anh L biết. Anh L giữ nguyên quan điểm ly hôn chị T như đã trình bày trong đơn. Về con chung anh L đồng ý để chị T nuôi dưỡng. Về tài

sản chung, nợ chung anh không đề nghị Tòa án giải quyết và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Theo đề nghị của chị T, Tòa án đã quyết định trưng cầu giám định tại phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương đối với chữ ký, chữ viết trong các tài liệu do anh L gửi về so với chữ ký của anh thể hiện trong Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) của anh chị. Tại kết L giám định số 10/KLGĐ ngày 14/5/2018, xác định: Chữ ký có trong những tài liệu anh L gửi về so với chữ ký trong " Giấy chứng nhận kết hôn" bản chính là do cùng một người viết ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt: BLTTDS). Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82,83 Luật HN&GĐ năm 2014, Điều 147 BLTTDS năm 2015, Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn anh L; giao cháu Nguyễn B cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị T tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; đề nghị giải quyết về án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của Viện kiểm sát, các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại công văn số 3294/A72-P4 ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an thể hiện anh Nguyễn Duy L, sinh ngày 17/12/1986 đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần đây nhất xuất cảnh ngày 20/4/2017 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa thấy thông tin nhập cảnh. Như vậy, chị T làm đơn ly hôn anh L, anh L không có mặt tại Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh theo điểm b khoản 1 Điều 37 BLTTDS.

[2].Về tố tụng: Anh Nguyễn Duy L lao động tại Nhật Bản, không có địa chỉ cụ thể nhưng thường xuyên liên lạc và đã gửi quan điểm liên quan đến yêu cầu ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Kim T. Và ủy quyền cho ông Nguyễn Duy B (là cha) nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án ông B đã thông báo cho anh L biết, anh L giữ nguyên quan điểm ly hôn và đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh L.

Chị Nguyễn Thị Kim T có đơn đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị T.

[3]. Về nội dung:

[3.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Duy L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại xã N, huyện S, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận được 4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về tính cách, dẫn đến bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Tháng 8/2016 chị T về nhà mẹ đẻ ở ; tháng 4/2017 anh L đi nước ngoài, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và đồng ý ly hôn nhau. Như vậy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T và anh L là phù hợp; tạo điều kiện cho hai người sớm ổn định cuộc sống.

[3.2]. Về con chung: Cháu Nguyễn B, sinh ngày 01/7/2016 là con chung, dưới 36 tháng tuổi, chị T đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên tiếp tục giao con chung cho chi T nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[4]. Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định;

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Duy L ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn B, sinh ngày 01/7/2016 cho chị Nguyễn Thi Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị T chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003196 ngày 13 tháng 3 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản

án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Duy L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã N*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường